

# CẤU TRÚC DỮ LIỆU VÀ GIẢI THUẬT

ĐỒ THỊ VÀ ỨNG DỤNG

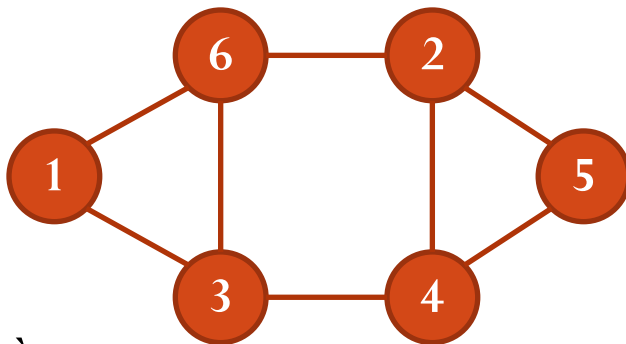
# Đồ thị và ứng dụng

---

- Khái niệm và định nghĩa
- Biểu diễn đồ thị
- Duyệt đồ thị
- Đồ thị Euler và đồ thị Hamilton
- Cây khung nhỏ nhất của đồ thị
- Đường đi ngắn nhất trên đồ thị

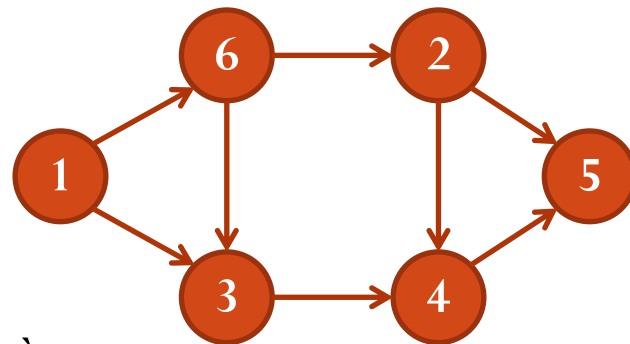
# Khái niệm và định nghĩa

- Đồ thị là một đối tượng toán học mô hình hoá các thực thể và các liên kết giữa các thực thể đó
- Đồ thị  $G = (V, E)$  trong đó  $V$  là tập đỉnh và  $E$  là tập cạnh (cung)
- Với mỗi  $(u, v) \in E$ : ta nói  $v$  kề với  $u$



Đồ thị vô hướng

- $V = \{1, 2, 3, 4, 5, 6\}$
- $E = \{(1, 3), (1, 6), (2, 4), (2, 5), (2, 6), (3, 4), (3, 6), (4, 5)\}$



Đồ thị có hướng

- $V = \{1, 2, 3, 4, 5, 6\}$
- $E = \{(1, 3), (1, 6), (2, 4), (2, 5), (2, 6), (3, 4), (3, 6), (4, 5), (6, 2), (6, 3)\}$

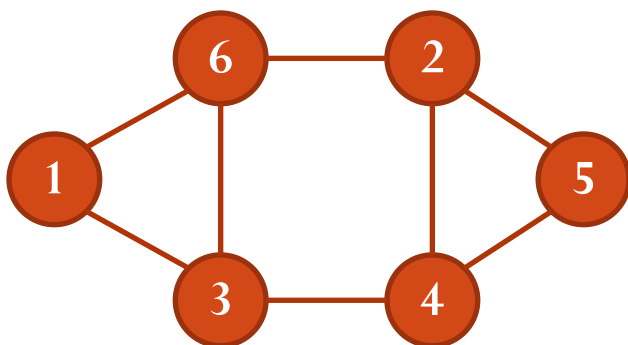
# Khái niệm và định nghĩa

- Bậc của một đỉnh trên đồ thị vô hướng là số đỉnh kề với đỉnh đó:

$$\deg(v) = \#\{u \mid (u, v) \in E\}$$

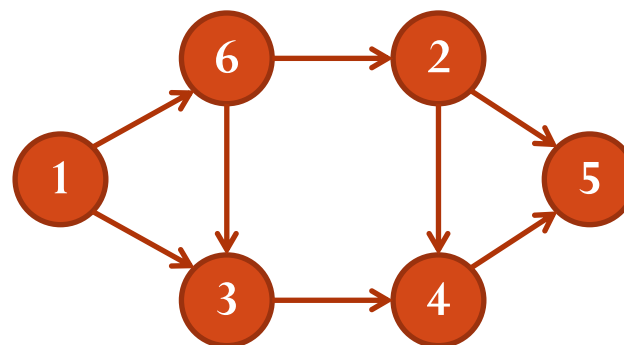
- Bán bậc vào (ra) của một đỉnh trên đồ thị có hướng là số cung đi vào (ra) đỉnh đó:

$$\deg^-(v) = \#\{u \mid (u, v) \in E\}, \deg^+(v) = \#\{u \mid (v, u) \in E\}$$



đồ thị vô hướng

$$\deg(1) = 2, \deg(4) = 3$$

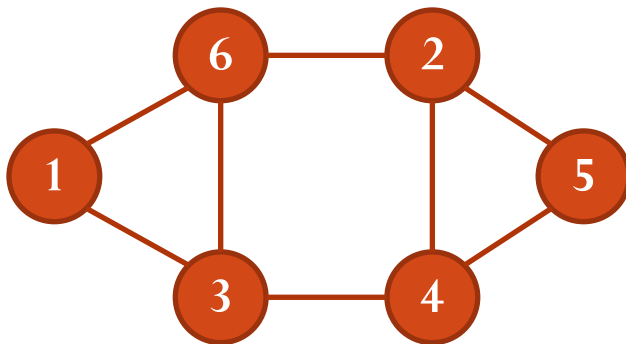


đồ thị có hướng

$$\deg^-(1) = 0, \deg^+(1) = 2$$

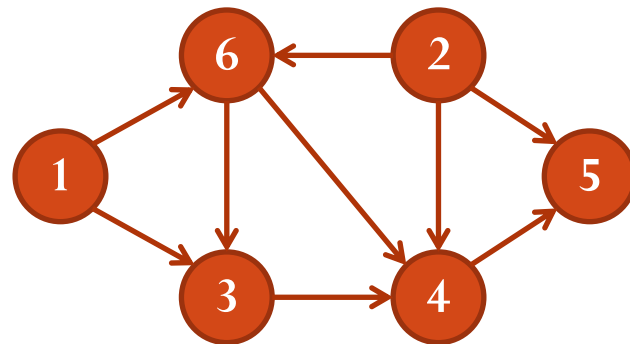
# Khái niệm và định nghĩa

- Cho đồ thị  $G=(V, E)$  và 2 đỉnh  $s, t \in V$ , đường đi từ  $s$  đến  $t$  trên  $G$  là dãy  $s = x_0, x_1, \dots, x_k = t$  trong đó  $(x_i, x_{i+1}) \in E$ , với  $\forall i = 0, 1, \dots, k-1$



Đường đi từ 1 đến 5:

- 1, 3, 4, 5
- 1, 6, 2, 5

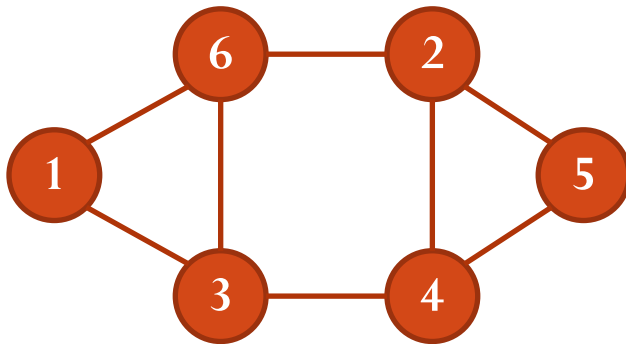


Đường đi từ 1 đến 5:

- 1, 3, 4, 5
- 1, 6, 4, 5

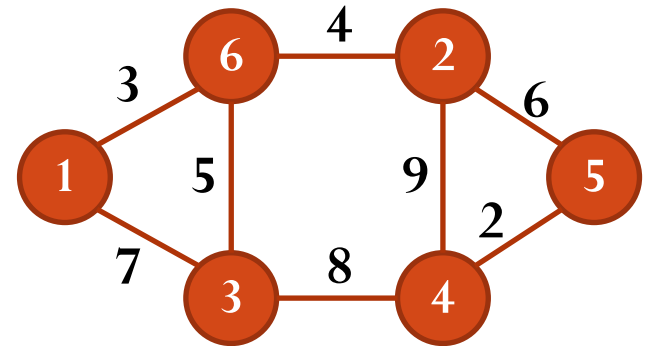
# Biểu diễn đồ thị

- Ma trận kề



	1	2	3	4	5	6
1	0	0	1	0	0	1
2	0	0	0	1	1	1
3	1	0	0	1	0	1
4	0	1	1	0	1	0
5	0	1	0	1	0	0
6	1	1	1	0	0	0

- Ma trận trọng số

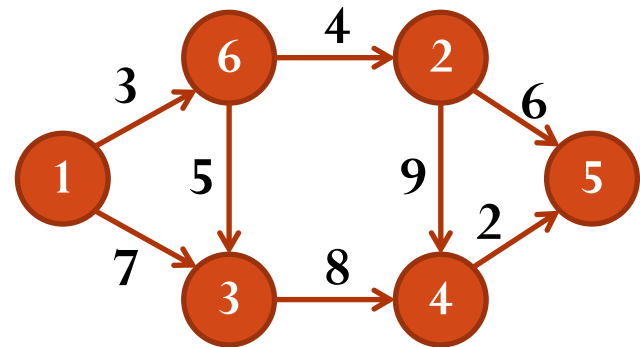


	1	2	3	4	5	6
1	0	0	7	0	0	3
2	0	0	0	9	6	4
3	7	0	0	8	0	5
4	0	9	8	0	2	0
5	0	6	0	4	0	0
6	3	4	5	0	0	0

# Biểu diễn đồ thị

- Danh sách kề

- Với mỗi  $v \in V$ ,  $A(v)$  là tập các bộ  $(v, u, w)$  trong đó  $w$  là trọng số của cung  $(v, u)$
- $A(1) = \{(1, 6, 3), (1, 3, 7)\}$
- $A(2) = \{(2, 4, 9), (2, 5, 6)\}$
- $A(3) = \{(3, 4, 8)\}$
- $A(4) = \{(4, 5, 2)\}$
- $A(5) = \{\}$
- $A(6) = \{(6, 3, 5), (6, 2, 4)\}$



# Duyệt đồ thị

---

- Duyệt các đỉnh của đồ thị theo một thứ tự nào đó
- Các đỉnh được duyệt (thăm) đúng 1 lần
- Hai phương pháp cơ bản:
  - Duyệt theo chiều sâu
  - Duyệt theo chiều rộng



# Duyệt đồ thị theo chiều sâu

## Depth First Search - DFS

---

- $\text{DFS}(u)$ : duyệt theo chiều sâu bắt đầu từ đỉnh  $u$ 
  - Nếu tồn tại đỉnh  $v$  trong danh sách kề của  $u$  chưa được thăm thì tiến hành thăm  $v$  và gọi  $\text{DFS}(v)$
  - Nếu tất cả các đỉnh kề với  $u$  đã được thăm thì DFS quay trở lại đỉnh  $x$  mà từ đó thăm  $u$  để tiến hành thăm các đỉnh khác kề với  $x$  mà chưa được thăm. Lúc này đỉnh  $u$  được gọi là *đã duyệt xong*
- Cấu trúc dữ liệu: với mỗi đỉnh  $v$  của đồ thị
  - $p(v)$ : là đỉnh từ đó thăm  $v$
  - $d(v)$ : thời điểm  $v$  được thăm nhưng chưa duyệt xong
  - $f(v)$ : thời điểm đỉnh  $v$  đã được duyệt xong
  - $\text{color}(v)$ 
    - WHITE: chưa thăm
    - GRAY: đã được thăm nhưng chưa duyệt xong
    - BLACK: đã duyệt xong

# Duyệt đồ thị theo chiều sâu

## Depth First Search - DFS

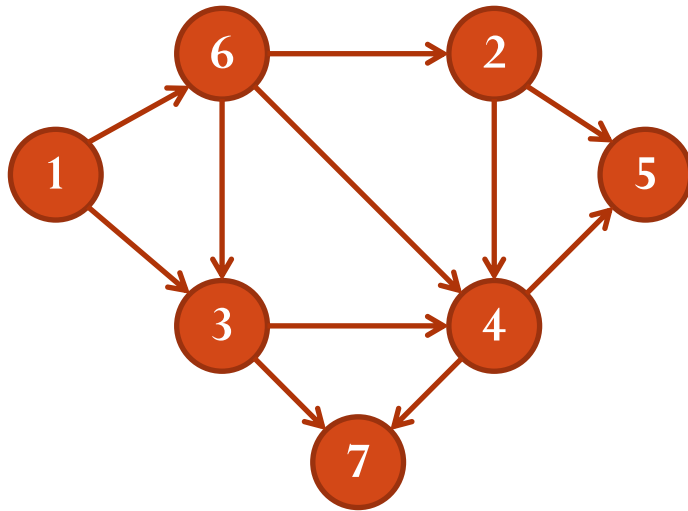
---

```
DFS( $u$ ) {  
     $t = t + 1$ ;  
     $d(u) = t$ ;  
     $\text{color}(u) = \text{GRAY}$ ;  
    foreach (đỉnh  $v$  kề với  $u$ ) {  
        if( $\text{color}(v) = \text{WHITE}$ ) {  
             $p(v) = u$ ;  
            DFS( $v$ );  
        }  
    }  
     $t = t + 1$ ;  
     $f(u) = t$ ;  
     $\text{color}(u) = \text{BLACK}$ ;  
}
```

```
DFS() {  
    foreach (đỉnh  $u$  thuộc  $V$ ) {  
         $\text{color}(u) = \text{WHITE}$ ;  
         $p(u) = \text{NIL}$ ;  
    }  
    foreach(đỉnh  $u$  thuộc  $V$ ) {  
        if( $\text{color}(u) = \text{WHITE}$ ) {  
            DFS( $u$ );  
        }  
    }  
}
```

# Duyệt đồ thị theo chiều sâu

## Depth First Search - DFS



đỉnh	1	2	3	4	5	6	7
d							
f							
p	-	-	-	-	-	-	-
color	W	W	W	W	W	W	W

# Duyệt đồ thị theo chiều sâu

## Depth First Search - DFS

---

DFS(1)

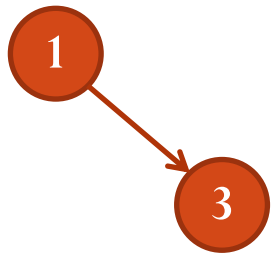
1

đỉnh	1	2	3	4	5	6	7
d	1						
f							
p	-	-	-	-	-	-	-
color	G	W	W	W	W	W	W

# Duyệt đồ thị theo chiều sâu

## Depth First Search - DFS

DFS(1)

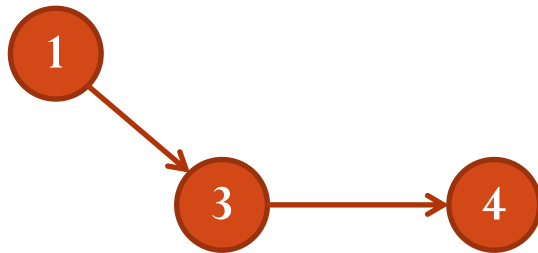


đỉnh	1	2	3	4	5	6	7
d	1		2				
f							
p	-	-	1	-	-	-	-
color	G	W	G	W	W	W	W

# Duyệt đồ thị theo chiều sâu

## Depth First Search - DFS

DFS(1)

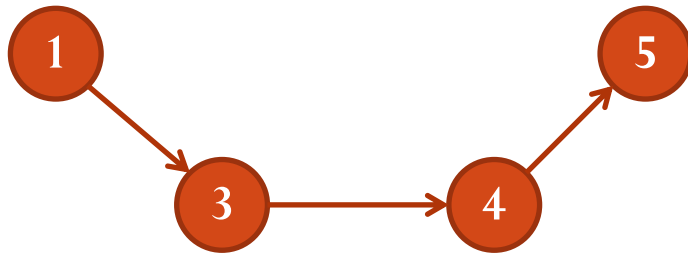


đỉnh	1	2	3	4	5	6	7
d	1		2	3			
f							
p	-	-	1	3	-	-	-
color	G	W	G	G	W	W	W

# Duyệt đồ thị theo chiều sâu

## Depth First Search - DFS

DFS(1)

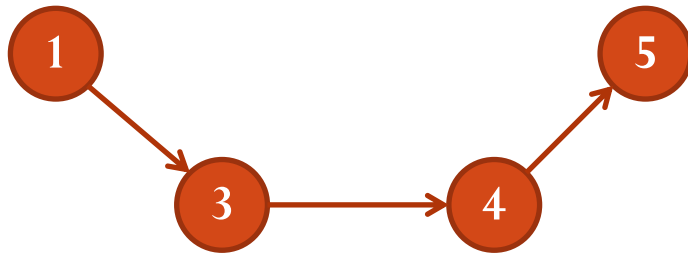


đỉnh	1	2	3	4	5	6	7
d	1		2	3	4		
f							
p	-	-	1	3	4	-	-
color	G	W	G	G	G	W	W

# Duyệt đồ thị theo chiều sâu

## Depth First Search - DFS

DFS(1)



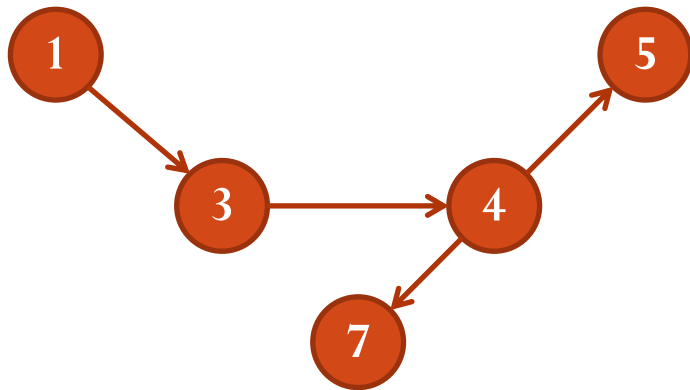
đỉnh	1	2	3	4	5	6	7
d	1		2	3	4		
f					5		
p	-	-	1	3	4	-	-
color	G	W	G	G	B	W	W



# Duyệt đồ thị theo chiều sâu

## Depth First Search - DFS

DFS(1)

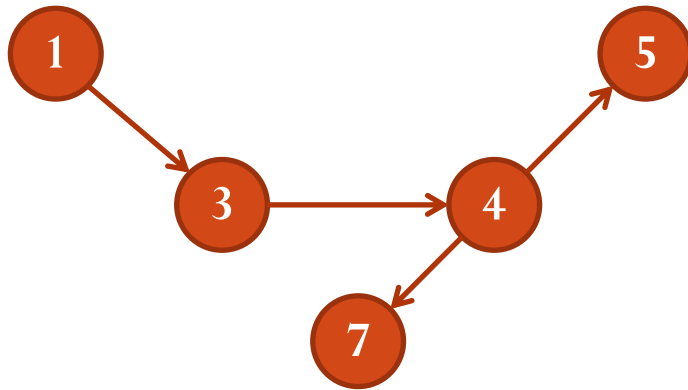


đỉnh	1	2	3	4	5	6	7
d	1		2	3	4		6
f					5		
p	-	-	1	3	4	-	4
color	G	W	G	G	B	W	G

# Duyệt đồ thị theo chiều sâu

## Depth First Search - DFS

DFS(1)

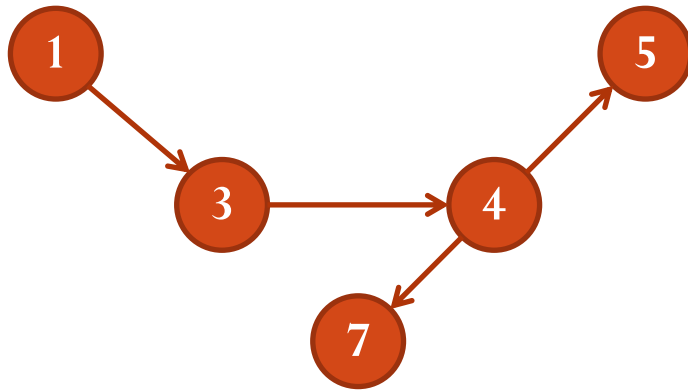


đỉnh	1	2	3	4	5	6	7
d	1		2	3	4		6
f					5		7
p	-	-	1	3	4	-	4
color	G	W	G	G	B	W	B

# Duyệt đồ thị theo chiều sâu

## Depth First Search - DFS

DFS(1)

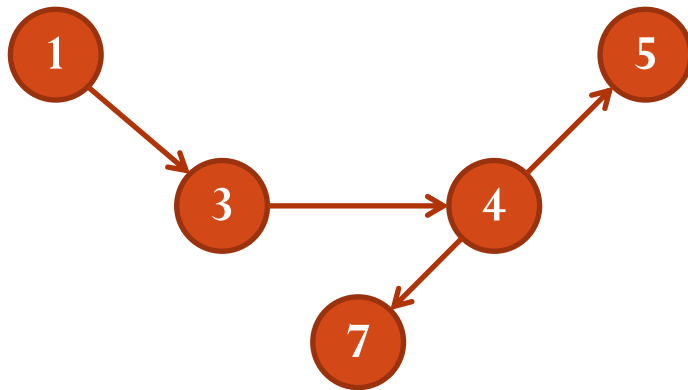


đỉnh	1	2	3	4	5	6	7
d	1		2	3	4		6
f				8	5		7
p	-	-	1	3	4	-	4
color	G	W	G	B	B	W	B

# Duyệt đồ thị theo chiều sâu

## Depth First Search - DFS

DFS(1)

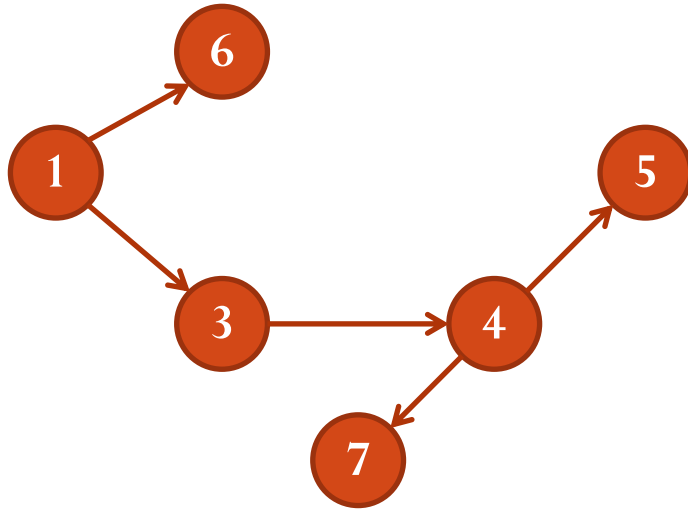


đỉnh	1	2	3	4	5	6	7
d	1		2	3	4		6
f			9	8	5		7
p	-	-	1	3	4	-	4
color	G	W	B	B	B	W	B

# Duyệt đồ thị theo chiều sâu

## Depth First Search - DFS

DFS(1)

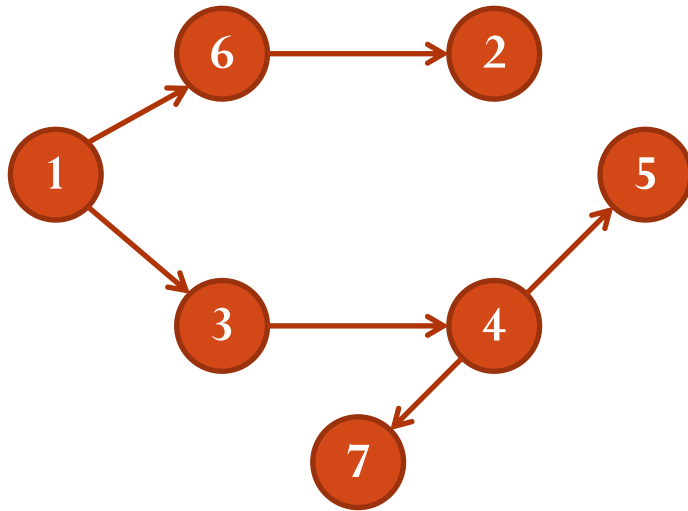


đỉnh	1	2	3	4	5	6	7
d	1		2	3	4	10	6
f			9	8	5		7
p	-	-	1	3	4	1	4
color	G	W	B	B	B	G	B

# Duyệt đồ thị theo chiều sâu

## Depth First Search - DFS

DFS(1)

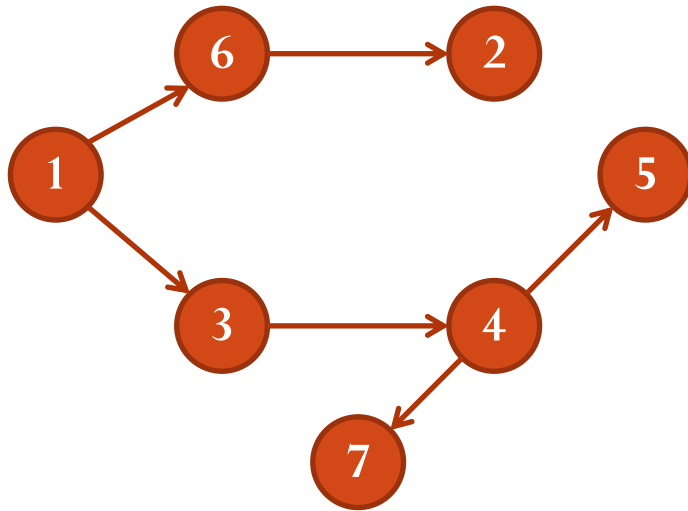


đỉnh	1	2	3	4	5	6	7
d	1	11	2	3	4	10	6
f			9	8	5		7
p	-	6	1	3	4	1	4
color	G	G	B	B	B	G	B

# Duyệt đồ thị theo chiều sâu

## Depth First Search - DFS

DFS(1)

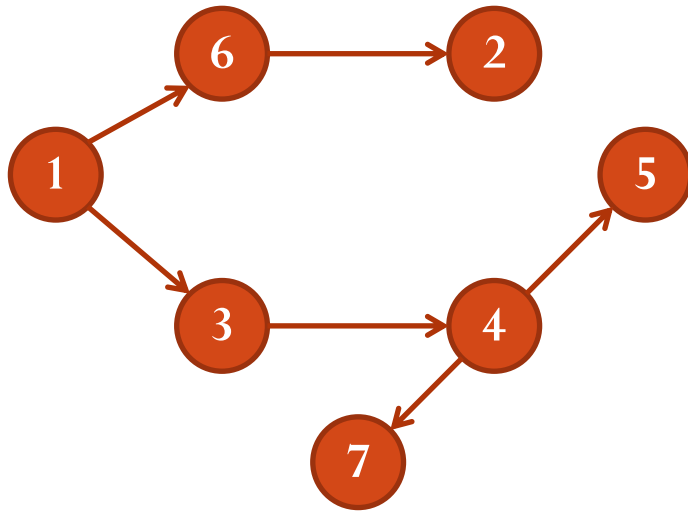


đỉnh	1	2	3	4	5	6	7
d	1	11	2	3	4	10	6
f		12	9	8	5		7
p	-	6	1	3	4	1	4
color	G	B	B	B	B	G	B

# Duyệt đồ thị theo chiều sâu

## Depth First Search - DFS

DFS(1)



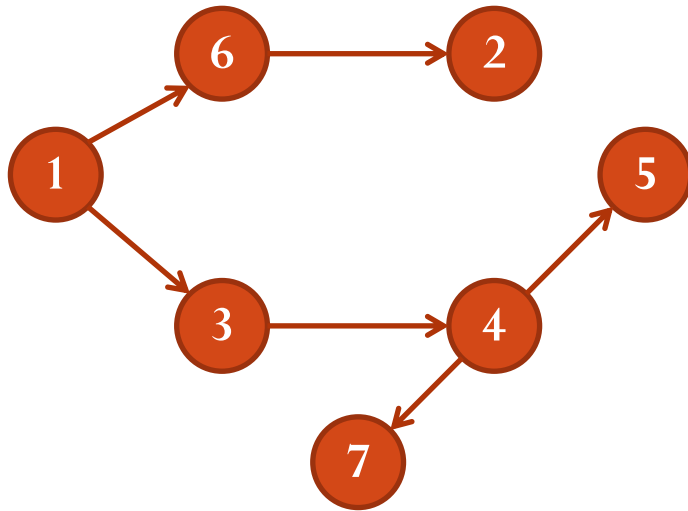
đỉnh	1	2	3	4	5	6	7
d	1	11	2	3	4	10	6
f		12	9	8	5	13	7
p	-	6	1	3	4	1	4
color	G	B	B	B	B	B	B



# Duyệt đồ thị theo chiều sâu

## Depth First Search - DFS

DFS(1)



đỉnh	1	2	3	4	5	6	7
d	1	11	2	3	4	10	6
f	14	12	9	8	5	13	7
p	-	6	1	3	4	1	4
color	B	B	B	B	B	B	B

# Duyệt đồ thị theo chiều rộng

## Breadth First Search - BFS

---

- $\text{BFS}(u)$ : duyệt theo chiều rộng xuất phát từ đỉnh  $u$ 
  - Thăm các đỉnh  $u$
  - Thăm các đỉnh kề với  $u$  mà chưa được thăm (gọi là các đỉnh mức 1)
  - Thăm các đỉnh kề với các đỉnh mức 1 mà chưa được thăm (gọi là các đỉnh mức 2)
  - Thăm các đỉnh kề với các đỉnh mức 2 mà chưa được thăm (gọi là các đỉnh mức 3)
  - ...
- Sử dụng cấu trúc hàng đợi (queue) để cài đặt

# Duyệt đồ thị theo chiều rộng

## Breadth First Search - BFS

```
BFS( $u$ ) {  
     $d(u) = 0$ ;  
    khởi tạo hàng đợi  $Q$ ;  
    enqueue( $Q, u$ );  
    color( $u$ ) = GRAY;  
    while( $Q$  khác rỗng) {  
         $v = \text{dequeue}(Q)$ ;  
        foreach( $x$  kề với  $v$ ) {  
            if(color( $x$ ) = WHITE){  
                 $d(x) = d(v) + 1$ ;  
                color( $x$ ) = GRAY;  
                enqueue( $Q, x$ );  
            }  
        }  
    }  
}
```

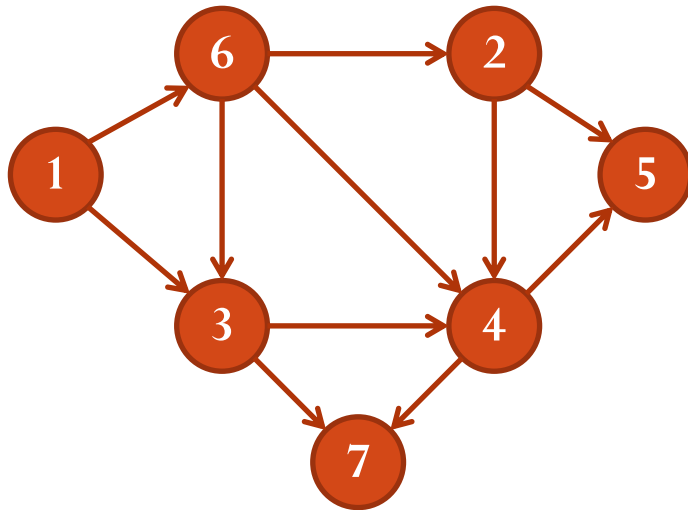
```
BFS() {  
    foreach (đỉnh  $u$  thuộc  $V$ ) {  
        color( $u$ ) = WHITE;  
         $p(u) = \text{NIL}$ ;  
    }  
    foreach(đỉnh  $u$  thuộc  $V$ ) {  
        if(color( $u$ ) = WHITE) {  
            BFS( $u$ );  
        }  
    }  
}
```

# Duyệt đồ thị theo chiều rộng

## Breadth First Search - BFS

---

**BFS(1)**



# Duyệt đồ thị theo chiều rộng

## Breadth First Search - BFS

---

**BFS(1)**

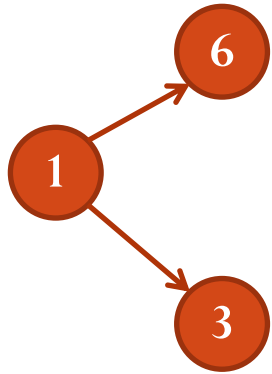
1

# Duyệt đồ thị theo chiều rộng

## Breadth First Search - BFS

---

**BFS(1)**

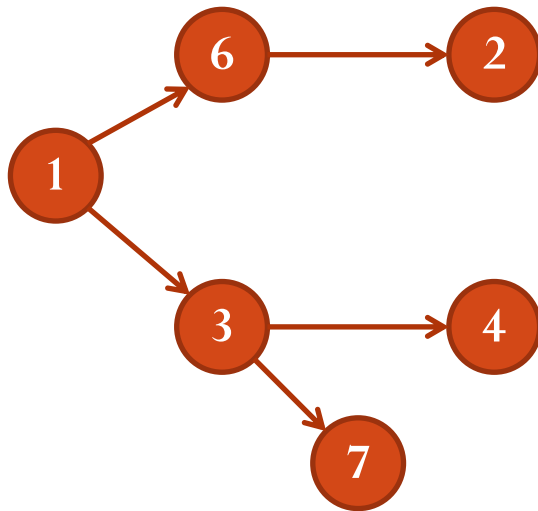


# Duyệt đồ thị theo chiều rộng

## Breadth First Search - BFS

---

**BFS(1)**

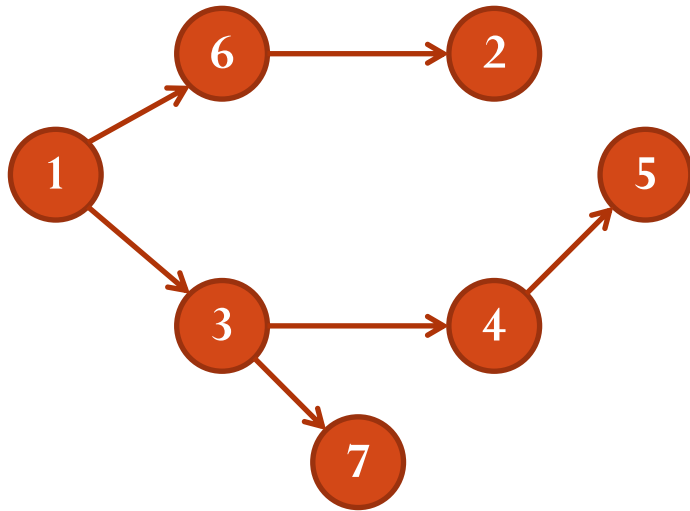


# Duyệt đồ thị theo chiều rộng

## Breadth First Search - BFS

---

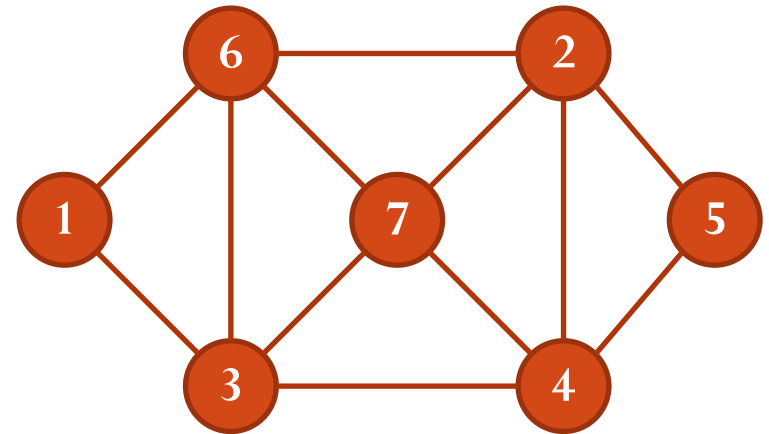
**BFS(1)**





# Đồ thị Euler và đồ thị Hamilton

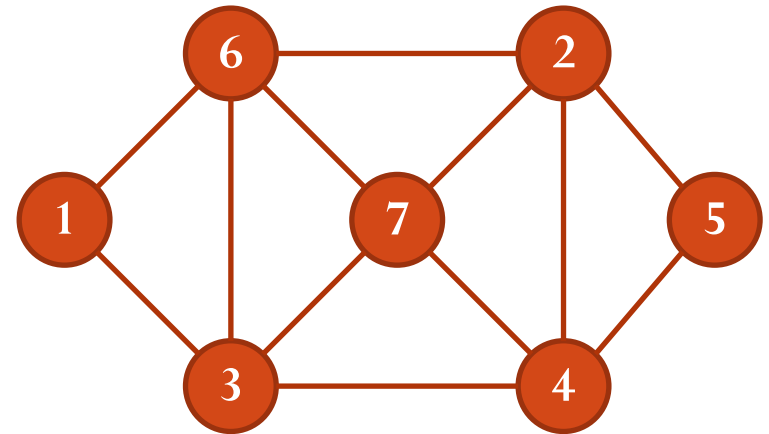
- Cho đồ thị vô hướng  $G = (V, E)$ 
  - Chu trình Euler trên  $G$  là chu trình đi qua tất cả các cạnh, mỗi cạnh đúng 1 lần.
  - Chu trình Hamilton là chu trình đi qua tất cả các đỉnh, mỗi đỉnh đúng 1 lần (trừ đỉnh xuất phát)
- Đồ thị chứa chu trình Euler được gọi là đồ thị Euler
- Đồ thị chứa chu trình Hamilton được gọi là đồ thị Hamilton



- Chu trình Euler: 1, 6, 3, 7, 6, 2, 5, 4, 2, 7, 4, 3, 1
- Chu trình Hamilton: 1, 6, 2, 5, 4, 7, 3, 1

# Đồ thị Euler và đồ thị Hamilton

- Định lí: Đồ thị vô hướng là đồ thị Euler khi và chỉ khi nó là đồ thị liên thông trong đó các đỉnh có bậc là số chẵn
- Định lí: Đồ thị vô hướng  $n$  đỉnh trong đó mỗi đỉnh có bậc lớn hơn hoặc bằng  $n/2$  là đồ thị Hamilton



# Đồ thị Euler và đồ thị Hamilton

- Thuật toán tìm chu trình Euler, sử dụng ngăn xếp
- Đồ thị đầu vào  $G = (V, E)$  trong đó  $A(x)$  là tập các đỉnh kề với đỉnh  $x$

```
euler( $G = (V, E)$ ) {  
    khởi tạo stack  $S$ ,  $CE$ ;  
    chọn  $v$  là một đỉnh bất kỳ thuộc  $V$ ;  
    push( $S, v$ );  
    while( $S$  khác rỗng) {  
         $x$  là nút ở đỉnh của  $S$ ;  
        if( $A(x)$  khác rỗng) {  
            chọn  $y$  là một đỉnh bất kỳ  $\in A(x)$ ;  
            push( $S, y$ );  
            loại bỏ cạnh  $(x, y)$  khỏi  $G$ ;  
        }else{  
             $x = pop(S)$ ; push( $CE, x$ );  
        }  
    }  
    thứ tự các đỉnh trong  $CE$  tạo chu trình euler  
}
```

# Đồ thị Euler và đồ thị Hamilton

- Thuật toán tìm chu trình Hamilton, sử dụng duyệt đệ quy quay lui
- Đồ thị đầu vào  $G = (V, E)$  trong đó
  - $V = \{1, 2, \dots, n\}$
  - $A(v)$  là tập các đỉnh kề với đỉnh  $v$
- Mô hình hoá: mảng  $x[1..n]$
- Mảng đánh dấu  $\text{mark}[v] = \text{true}$  nếu đỉnh  $v$  đã được dùng và  $\text{mark}[v] = \text{false}$ , ngược lại

```
TRY( $k$ ) {  
    for( $v \in A(x[k-1])$ ) {  
        if(not mark[ $v$ ]) {  
             $x[k] = v$ ;  
            mark[ $v$ ] = true;  
            if( $k == n$ ) {  
                if( $v \in A(x[1])$ ) {  
                    ghi nhận chu trình Hamilton trong  $x$ ;  
                }  
            }else{  
                TRY( $k+1$ );  
            }  
            mark[ $v$ ] = false;  
        }  
    }  
}
```

# Cây khung nhỏ nhất trên đồ thị

---

- Cho đồ thị vô hướng liên thông  $G = (V, E, w)$ .
  - Mỗi cạnh  $(u, v) \in E$  có  $w(u, v)$  là trọng số
  - Nếu  $(u, v) \in E$  thì  $w(u, v) = \infty$
- Đồ thị là đồ thị vô hướng, liên thông và không có chu trình chứa tất cả các đỉnh của  $G$ .
- Cây  $T = (V, F)$  trong đó  $F \subseteq E$  gọi là một cây khung của  $G$ 
  - Trọng số  $w(T) = \sum_{e \in F} w(e)$
- Tìm cây khung của  $G$  có trọng số nhỏ nhất
- Ứng dụng
  - Thiết kế mạng truyền thông

# Cây khung nhỏ nhất trên đồ thị

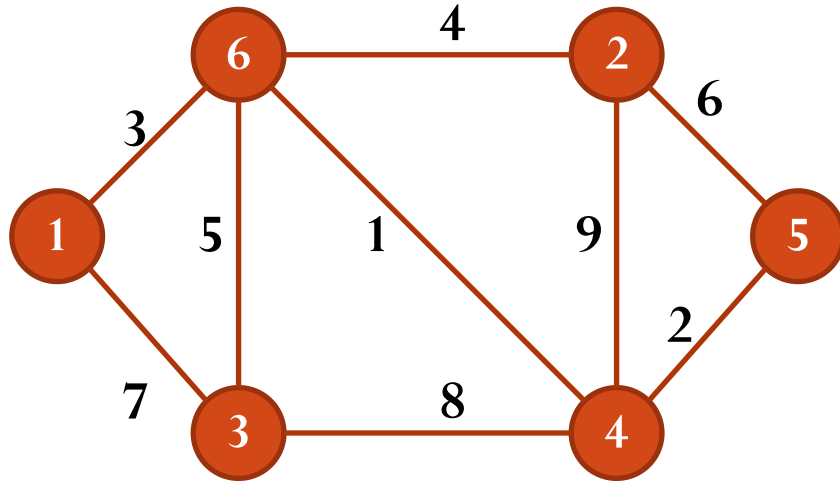
---

- Thuật toán PRIM tìm cây khung nhỏ nhất
- Ý tưởng chính
  - Xây dựng cây bằng cách kết nạp lần lượt các cạnh vào cây  $T$  theo chiến lược tham lam
  - Ban đầu, tập đỉnh  $V_T$  của cây chỉ gồm 1 đỉnh được chọn ngẫu nhiên
  - Mỗi bước, chọn đỉnh (chưa thuộc  $V_T$ ) gần  $T$  nhất để kết nạp đỉnh và cạnh vào cây  $T$
- Cấu trúc dữ liệu
  - Với mỗi đỉnh  $v \notin V_T$ 
    - $d(v)$  là khoảng cách từ  $v$  đến  $V_T$ :
$$d(v) = \min\{w(v, u) \mid u \in V_T, (u, v) \in E\}$$
    - $near(v)$ : đỉnh  $\in V_T$  có  $w(v, near(v)) = d(v)$ ;

# Cây khung nhỏ nhất trên đồ thị

```
PRIM( $G = (V, E, w)$ ) {  
    chọn  $s$  là một đỉnh nào đó của  $V$ ;  
    for( $v \in V$ ) {  
         $d(v) = w(s, v)$ ;  $\text{near}(v) = s$ ;  
    }  
     $E_T = \{\}$ ;  $V_T = \{s\}$ ;  
    while( $|V_T| \neq |V|$ ) {  
         $v =$  chọn đỉnh  $\in V \setminus V_T$  có  $d(v)$  nhỏ nhất;  
         $V_T = V_T \cup \{v\}$ ;  $E_T = E_T \cup \{(v, \text{near}(v))\}$ ;  
        for( $x \in V \setminus V_T$ ) {  
            if( $d(x) > w(x, v)$ ) {  
                 $d(x) = w(x, v)$ ;  
                 $\text{near}(x) = v$ ;  
            }  
        }  
    }  
    return ( $V_T, E_T$ );  
}
```

# Cây khung nhỏ nhất trên đồ thị

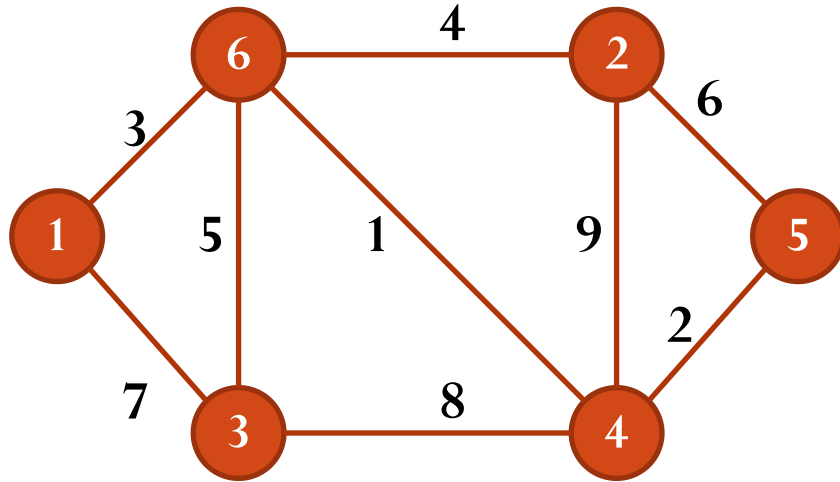


- Mỗi ô ứng với đỉnh  $v$  của bảng chứa nhãn  $(d(v), \text{near}(v))$
- Đỉnh xuất phát  $s = 1$

	1	2	3	4	5	6	$E_T$
<b>Khởi tạo</b>	(0,1)	( $\infty$ ,1)	(7, 1)	( $\infty$ , 1)	( $\infty$ , 1)	(3,1)	
<b>Bước 1</b>	-						
<b>Bước 2</b>	-						
<b>Bước 3</b>	-						
<b>Bước 4</b>	-						
<b>Bước 5</b>	-						

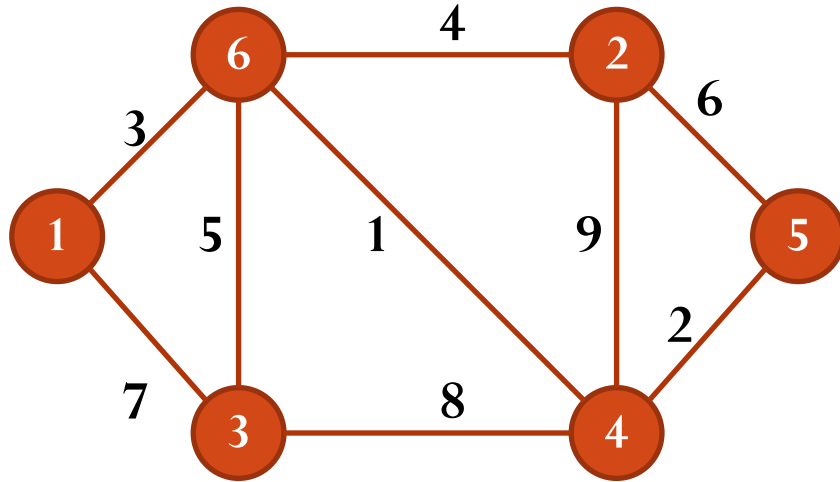


# Cây khung nhỏ nhất trên đồ thị



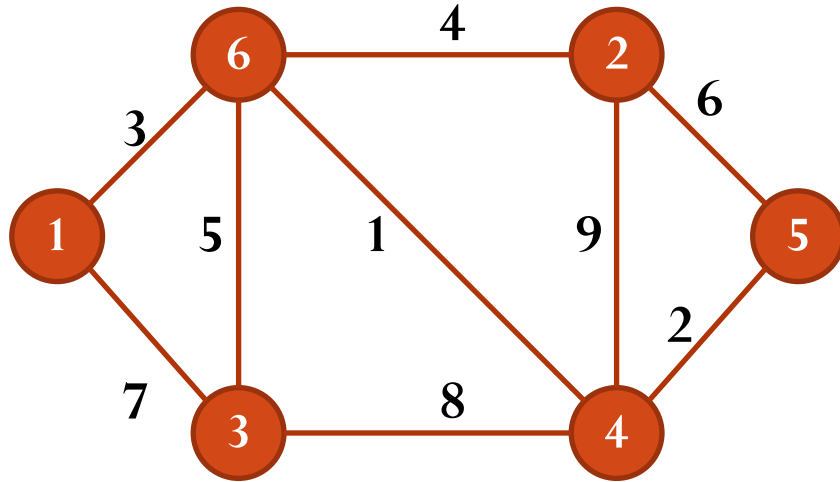
	1	2	3	4	5	6	$E_T$
<b>Khởi tạo</b>	(0,1)	( $\infty$ ,1)	(7, 1)	( $\infty$ , 1)	( $\infty$ , 1)	(3,1) *	(1,6)
<b>Bước 1</b>	-	(4,6)	(5,6)	(1,6)	( $\infty$ ,1)	-	
<b>Bước 2</b>	-					-	
<b>Bước 3</b>	-					-	
<b>Bước 4</b>	-					-	
<b>Bước 5</b>	-					-	

# Cây khung nhỏ nhất trên đồ thị



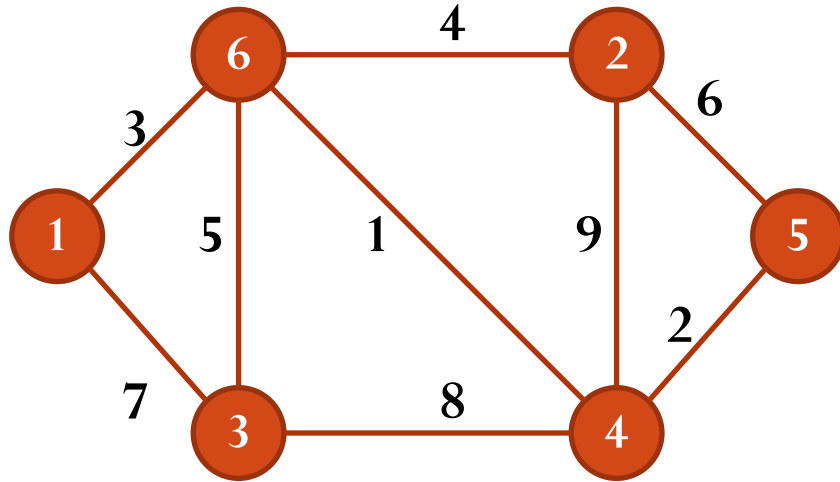
	1	2	3	4	5	6	$E_T$
<b>Khởi tạo</b>	(0,1)	( $\infty$ ,1)	(7, 1)	( $\infty$ , 1)	( $\infty$ , 1)	(3,1) *	(1,6)
<b>Bước 1</b>	-	(4,6)	(5,6)	(1,6) *	( $\infty$ ,1)	-	(1,6), (4,6)
<b>Bước 2</b>	-	(4,6)	(5,6)	-	(2,4)	-	
<b>Bước 3</b>	-			-		-	
<b>Bước 4</b>	-			-		-	
<b>Bước 5</b>	-			-		-	

# Cây khung nhỏ nhất trên đồ thị



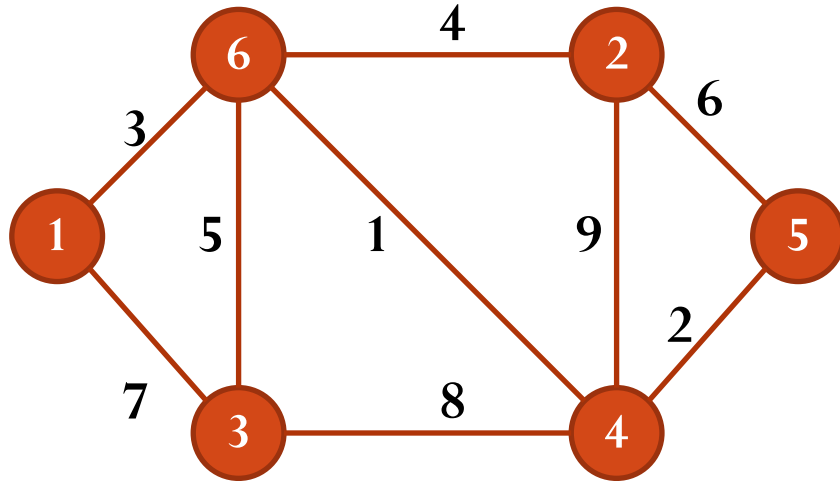
	1	2	3	4	5	6	$E_T$
<b>Khởi tạo</b>	(0,1)	( $\infty$ ,1)	(7, 1)	( $\infty$ , 1)	( $\infty$ , 1)	(3,1) *	(1,6)
<b>Bước 1</b>	-	(4,6)	(5,6)	(1,6) *	( $\infty$ ,1)	-	(1,6),(4,6)
<b>Bước 2</b>	-	(4,6)	(5,6)	-	(2,4) *	-	(1,6),(4,6),(4,5)
<b>Bước 3</b>	-	(4,6)	(5,6)	-	-	-	
<b>Bước 4</b>	-			-	-	-	
<b>Bước 5</b>	-			-	-	-	

# Cây khung nhỏ nhất trên đồ thị



	1	2	3	4	5	6	$E_T$
<b>Khởi tạo</b>	(0,1)	( $\infty$ ,1)	(7, 1)	( $\infty$ , 1)	( $\infty$ , 1)	(3,1) *	(1,6)
<b>Bước 1</b>	-	(4,6)	(5,6)	(1,6) *	( $\infty$ ,1)	-	(1,6),(4,6)
<b>Bước 2</b>	-	(4,6)	(5,6)	-	(2,4) *	-	(1,6),(4,6),(4,5)
<b>Bước 3</b>	-	(4,6) *	(5,6)	-	-	-	(1,6),(4,6),(4,5),(2,6)
<b>Bước 4</b>	-	-	(5,6)	-	-	-	
<b>Bước 5</b>	-	-		-	-	-	

# Cây khung nhỏ nhất trên đồ thị



	1	2	3	4	5	6	$E_T$
<b>Khởi tạo</b>	(0,1)	( $\infty$ ,1)	(7, 1)	( $\infty$ , 1)	( $\infty$ , 1)	(3,1)	
<b>Bước 1</b>	-	(4,6)	(5,6)	(1,6) *	( $\infty$ ,1)	-	(1,6)
<b>Bước 2</b>	-	(4,6)	(5,6)	-	(2,4) *	-	(1,6), (4,6)
<b>Bước 3</b>	-	(4,6) *	(5,6)	-	-	-	(1,6), (4,6), (4,5)
<b>Bước 4</b>	-	-	(5,6) *	-	-	-	(1,6), (4,6), (4,5), (2,6)
<b>Bước 5</b>	-	-	-	-	-	-	(1,6), (4,6), (4,5), (2,6), (3,6)

# Cây khung nhỏ nhất trên đồ thị

## Cài đặt thuật toán PRIM

---

```
#include <stdio.h>
#include <set>
#include <map>
#include <stack>
using namespace std;
struct Arc{
    int nod;
    int w;
};
set<int> V;// set of nodes
map<int, set<Arc*> > A;// A[v] is the set of adjacent arcs of v

// data structure for prim
map<int, int> d;
map<int, int> near;
set<int> S;
```

# Cây khung nhỏ nhất trên đồ thị

## Cài đặt thuật toán PRIM

---

```
int findMin(){
    // find a node v of NonFixed having minimum d[v]
    int min = 1000000;
    int v_min = -1;
    for(set<int>::iterator p = S.begin(); p != S.end(); p++){
        int v = *p;
        if(d[v] < min){
            min = d[v];
            v_min = v;
        }
    }
    return v_min;
}
```

# Cây khung nhỏ nhất trên đồ thị

## Cài đặt thuật toán PRIM

---

```
void prim(int s){
    // initialization
    for(set<int>::iterator pi = V.begin(); pi != V.end(); pi++){
        int x = *pi;  d[x] = 100000000;
    }
    d[s] = 0;
    for(set<Arc*>::iterator ps = A[s].begin(); ps != A[s].end(); ps++){
        Arc* a = *ps;
        int x = a->nod;  int w = a->w;
        d[x] = w; near[x] = s;
    }
    for(set<int>::iterator pi = V.begin(); pi != V.end(); pi++){
        int v = *pi;
        if(v != s)
            S.insert(v);
    }
    . . .
}
```



# Cây khung nhỏ nhất trên đồ thị

## Cài đặt thuật toán PRIM

---

```
//LOOP
while(S.size() > 0){
    int v = findMin();
    printf("select edge (%d,%d) with d = %d\n",v,near[v],d[v]);
    S.erase(v);
    // update d of non-fixed nodes
    for(set<Arc*>::iterator pv = A[v].begin(); pv != A[v].end(); pv++){
        Arc* a = *pv;
        int x = a->nod;
        int w = a->w;
        if(d[x] > w){
            d[x] = w;
            near[x] = v;
        }
    }
}
}
```

# Đường đi ngắn nhất trên đồ thị

## Thuật toán Dijkstra

---

- Cho đồ thị vô hướng liên thông  $G = (V, E, w)$ .
  - Mỗi cạnh  $(u, v) \in E$  có  $w(u, v)$  là trọng số không âm
  - Nếu  $(u, v) \notin E$  thì  $w(u, v) = \infty$
- Cho  $s$  là một đỉnh thuộc  $V$ , tìm đường đi ngắn nhất từ  $s$  đến tất cả các đỉnh còn lại

# Đường đi ngắn nhất trên đồ thị

## Thuật toán Dijkstra

---

- Ý tưởng thuật toán Dijkstra:
  - Với mỗi đỉnh  $v \in V$ , duy trì:
    - $\mathcal{P}(v)$  là đường đi cận trên của đường đi ngắn nhất từ  $s$  đến  $v$
    - $d(v)$ : trọng số của  $\mathcal{P}(v)$
    - $p(v)$ : đỉnh trước đỉnh  $v$  trên  $\mathcal{P}(v)$
  - Khởi tạo
    - $\mathcal{P}(v) = \langle s, v \rangle, d(v) = w(s, v), p(v) = s$
  - Làm tốt cận trên
    - Mỗi khi phát hiện có đỉnh  $u$  sao cho  $d(v) > d(u) + w(u, v)$  thì cập nhật
      - $d(v) = d(u) + w(u, v)$
      - $p(v) = u$

# Đường đi ngắn nhất trên đồ thị

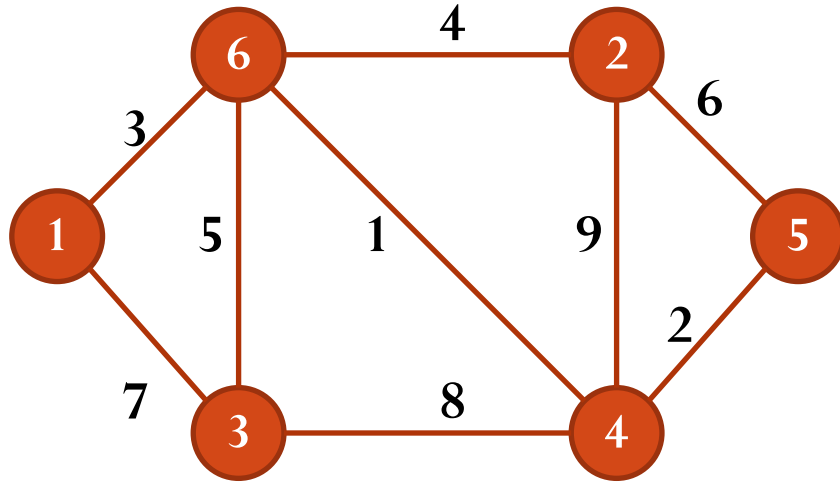
## Thuật toán Dijkstra

---

```
Dijkstra( $G = (V, E, w)$ ) {  
  for( $v \in V$ ) {  
     $d(v) = w(s, v)$ ;  $p(v) = s$ ;  
  }  
   $S = V \setminus \{s\}$ ;  
  while( $S \neq \{\}$ ) {  
     $u = \text{chọn đỉnh } \in S \text{ có } d(u) \text{ nhỏ nhất}$ ;  
     $S = S \setminus \{u\}$ ;  
    for( $v \in S$ ) {  
      if( $d(v) > d(u) + w(u, v)$ ) {  
         $d(v) = d(u) + w(u, v)$ ;  
         $p(v) = u$ ;  
      }  
    }  
  }  
}
```

# Đường đi ngắn nhất trên đồ thị

## Thuật toán Dijkstra

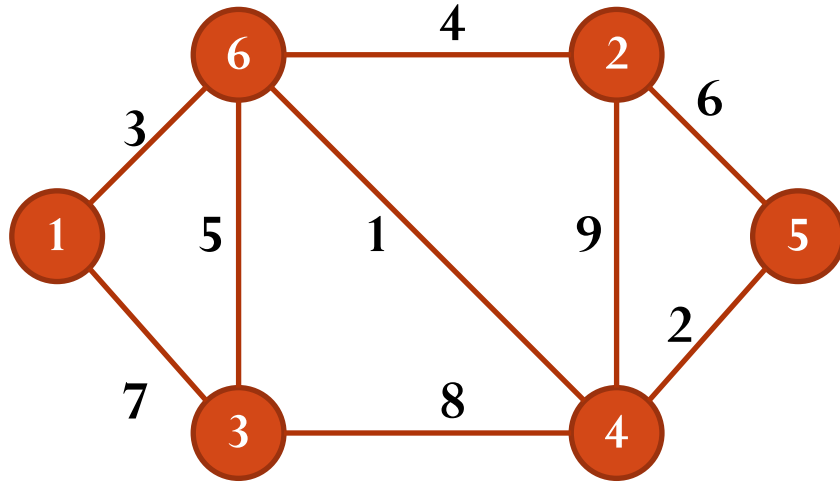


- Mỗi ô ứng với đỉnh  $v$  của bảng chứa nhãn  $(d(v), p(v))$
- Đỉnh xuất phát  $s = 1$

	1	2	3	4	5	6
Khởi tạo	(0,1)	( $\infty$ ,1)	(7, 1)	( $\infty$ , 1)	( $\infty$ , 1)	(3,1)
Bước 1	-					
Bước 2	-					
Bước 3	-					
Bước 4	-					
Bước 5	-					

# Đường đi ngắn nhất trên đồ thị

## Thuật toán Dijkstra

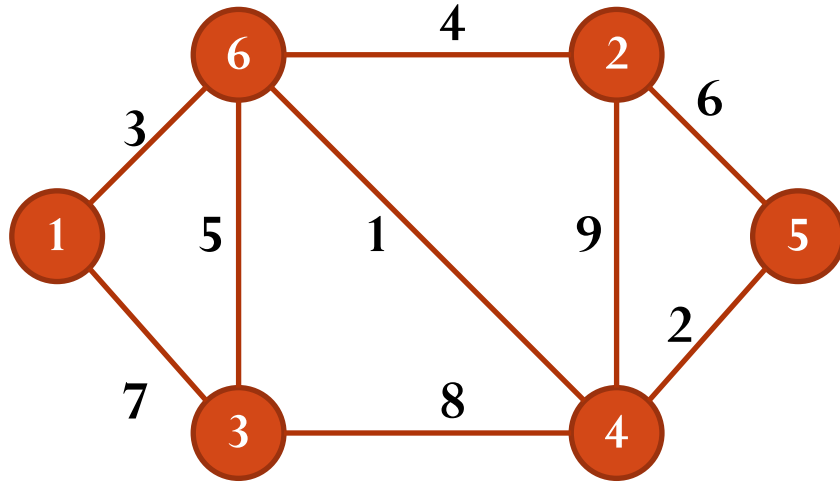


- Mỗi ô ứng với đỉnh  $v$  của bảng chứa nhãn  $(d(v), p(v))$
- Đỉnh xuất phát  $s = 1$

	1	2	3	4	5	6
<b>Khởi tạo</b>	(0,1)	( $\infty$ ,1)	(7, 1)	( $\infty$ , 1)	( $\infty$ , 1)	(3,1) *
<b>Bước 1</b>	-	(7,6)	(7,1)	(4,6)	( $\infty$ ,1)	-
<b>Bước 2</b>	-					-
<b>Bước 3</b>	-					-
<b>Bước 4</b>	-					-
<b>Bước 5</b>	-					-

# Đường đi ngắn nhất trên đồ thị

## Thuật toán Dijkstra

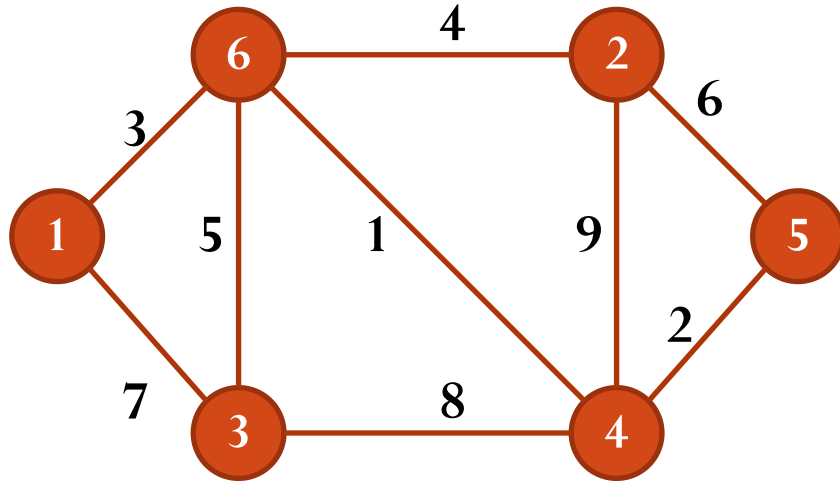


- Mỗi ô ứng với đỉnh  $v$  của bảng chứa nhãn  $(d(v), p(v))$
- Đỉnh xuất phát  $s = 1$

	1	2	3	4	5	6
<b>Khởi tạo</b>	(0,1)	( $\infty$ ,1)	(7, 1)	( $\infty$ , 1)	( $\infty$ , 1)	(3,1) *
<b>Bước 1</b>	-	(7,6)	(7,1)	(4,6) *	( $\infty$ ,1)	-
<b>Bước 2</b>	-	(7,6)	(7,1)	-	(6, 4)	-
<b>Bước 3</b>	-			-		-
<b>Bước 4</b>	-			-		-
<b>Bước 5</b>	-			-		-

# Đường đi ngắn nhất trên đồ thị

## Thuật toán Dijkstra



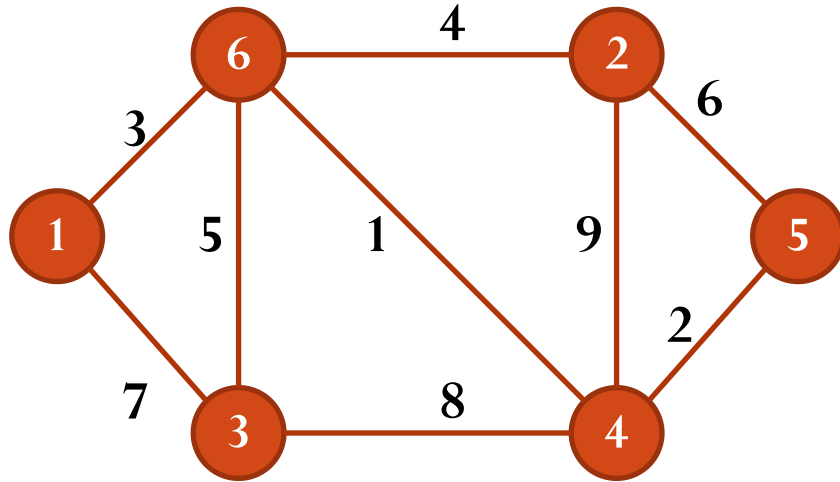
- Mỗi ô ứng với đỉnh  $v$  của bảng chứa nhãn  $(d(v), p(v))$
- Đỉnh xuất phát  $s = 1$

	1	2	3	4	5	6
<b>Khởi tạo</b>	(0,1)	( $\infty$ ,1)	(7, 1)	( $\infty$ , 1)	( $\infty$ , 1)	(3,1) *
<b>Bước 1</b>	-	(7,6)	(7,1)	(4,6) *	( $\infty$ ,1)	-
<b>Bước 2</b>	-	(7,6)	(7,1)	-	(6, 4) *	-
<b>Bước 3</b>	-	(7,6)	(7,1)	-	-	-
<b>Bước 4</b>	-			-	-	-
<b>Bước 5</b>	-			-	-	-



# Đường đi ngắn nhất trên đồ thị

## Thuật toán Dijkstra

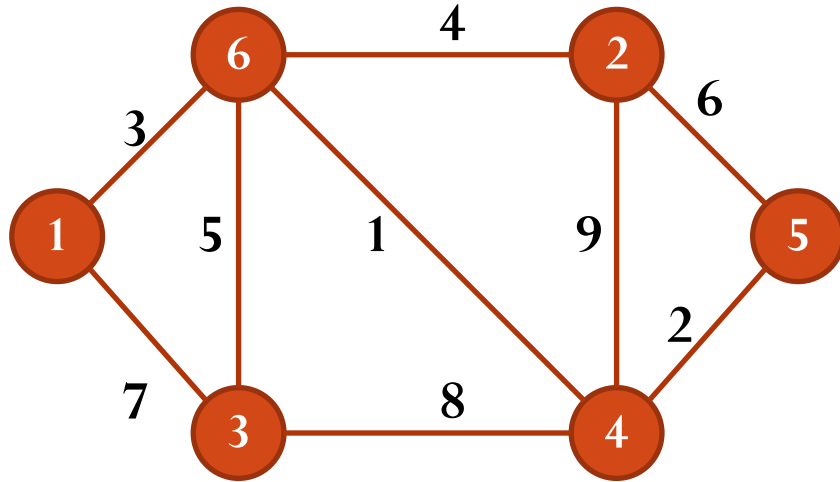


- Mỗi ô ứng với đỉnh  $v$  của bảng chứa nhãn  $(d(v), p(v))$
- Đỉnh xuất phát  $s = 1$

	1	2	3	4	5	6
<b>Khởi tạo</b>	(0,1)	( $\infty$ ,1)	(7, 1)	( $\infty$ , 1)	( $\infty$ , 1)	(3,1) *
<b>Bước 1</b>	-	(7,6)	(7,1)	(4,6) *	( $\infty$ ,1)	-
<b>Bước 2</b>	-	(7,6)	(7,1)	-	(6, 4) *	-
<b>Bước 3</b>	-	(7,6)	(7,1) *	-	-	-
<b>Bước 4</b>	-	(7,6)	-	-	-	-
<b>Bước 5</b>	-		-	-	-	-

# Đường đi ngắn nhất trên đồ thị

## Thuật toán Dijkstra



- Mỗi ô ứng với đỉnh  $v$  của bảng chứa nhãn  $(d(v), p(v))$
- Đỉnh xuất phát  $s = 1$

	1	2	3	4	5	6
<b>Khởi tạo</b>	(0,1)	( $\infty$ ,1)	(7, 1)	( $\infty$ , 1)	( $\infty$ , 1)	(3,1) *
<b>Bước 1</b>	-	(7,6)	(7,1)	(4,6) *	( $\infty$ ,1)	-
<b>Bước 2</b>	-	(7,6)	(7,1)	-	(6, 4) *	-
<b>Bước 3</b>	-	(7,6)	(7,1) *	-	-	-
<b>Bước 4</b>	-	(7,6) *	-	-	-	-
<b>Bước 5</b>	-	-	-	-	-	-

# Đường đi ngắn nhất trên đồ thị

## Thuật toán Dijkstra

---

```
#include <stdio.h>
#include <set>
#include <map>
#include <stack>
using namespace std;
struct Arc{
    int nod;
    int w;
};

set<int> V;// set of nodes
map<int, set<Arc*> > A;// A[v] is the set of adjacent arcs of v

// data strcuture for dijkstra
map<int, int> d;
map<int, int> p;
set<int> S;
```

# Đường đi ngắn nhất trên đồ thị

## Thuật toán Dijkstra

---

```
int findMin(){
    // find a node v of NonFixed having minimum d[v]
    int min = 1000000;
    int v_min = -1;
    for(set<int>::iterator p = S.begin(); p != S.end(); p++){
        int v = *p;
        if(d[v] < min){
            min = d[v];
            v_min = v;
        }
    }
    return v_min;
}
```

# Đường đi ngắn nhất trên đồ thị

## Thuật toán Dijkstra

---

```
void dijkstra(int s){
    // initialization
    for(set<int>::iterator pi = V.begin(); pi != V.end(); pi++){
        int x = *pi;  d[x] = 100000000;
    }
    d[s] = 0;
    for(set<Arc*>::iterator ps = A[s].begin(); ps != A[s].end(); ps++){
        Arc* a = *ps;
        int x = a->nod;  int w = a->w;
        d[x] = w; p[x] = s;
    }
    for(set<int>::iterator pi = V.begin(); pi != V.end(); pi++){
        int v = *pi;
        if(v != s)
            S.insert(v);
    }
    . . .
}
```

# Đường đi ngắn nhất trên đồ thị

## Thuật toán Dijkstra

---

```
//LOOP
while(S.size() > 0){
    int v = findMin();
    S.erase(v);
    // update label of nodes in S
    for(set<Arc*>::iterator pv = A[v].begin(); pv != A[v].end(); pv++){
        Arc* a = *pv;
        int x = a->nod;
        int w = a->w;
        if(d[x] > d[v] + w){
            d[x] = d[v] + w;
            p[x] = v;
        }
    }
}
}
```

# Đường đi ngắn nhất trên đồ thị

## Thuật toán Dijkstra

---

```
void printPath(int s, int v){
    stack<int> S;
    int x = v;
    while(x != s){
        S.push(x);
        x = p[x];
    }
    printf("%d ",s);
    while(!S.empty()){
        int x = S.top(); S.pop();
        printf("%d ",x);
    }
    printf("\n");
}
```